Người ký: Ủy ban Nhân dân huyện Thường Xuân
Email: thuongxuan@thanhhoa.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Thanh Hóa
Thời gian ký: 14.06.2017 14:03:47 +07:00

UỶ BAN NHÂN DÂN **HUYỆN THƯỜNG XUÂN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 108 /BC - UBND	*Thường Xuân, ngày 09 tháng 6 năm 2017*

BÁO CÁO
Về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính 6 tháng đầu năm 2017 trên địa bàn huyện Thường Xuân

Trong 6 tháng đầu năm 2017, UBND huyện Thường Xuân thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính và kết quả thực hiện như sau:

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính

UBND huyện luôn thực hiện và chỉ đạo các phòng ban chuyên môn thuộc UBND huyện, UBND các xã, thị trấn tuân thủ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 21/01/2014 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Thông tư số 20/2013/TT-BTP ngày 03/12/2013 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn một số nội dung về hoạt động thống kê của Ngành Tư pháp, Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính.

Đồng thời UBND huyện cũng chỉ đạo Phòng Tư pháp kiểm tra công tác kiểm soát thủ tục hành chính ở một số địa phương thông qua việc kiểm tra công tác tư pháp ở địa phương hàng năm. Do đó công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn huyện đã đạt được những kết quả bước đầu.

Thực hiện Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Kế hoạch Kiểm soát thủ tục hành chính năm 2017; Công văn số 204/STP-KSTTHC ngày 28/02/2017 của Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa UBND huyện Thường Xuân đã ban hành Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 17/2/2017 về việc thực hiện công tác Kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn huyện Thường Xuân năm 2017; Công văn số 256/UBND-TP ngày 06/3/2017 về việc triển khai một số nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính.

2. Tình hình công khai thủ tục hành chính

UBND huyện đã chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn thuộc UBND huyện, UBND các xã, thị trấn thực hiện nghiêm túc việc công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết. Việc niên yết các thủ tục hành chính được thực hiện trên bảng niêm yết hoặc đóng thành sổ để cho nhân dân tiện nghiên cứu khi đến giao dịch.

3. Về rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Thực hiện Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Kế hoạch Kiểm soát thủ tục hành chính năm 2017; Công văn số 204/STP-KSTTHC ngày 28/02/2017 của Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa UBND huyện Thường Xuân đã ban hành Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 17/2/2017 về việc thực hiện công tác Kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn huyện Thường Xuân năm 2017; Công văn số 256/UBND-TP ngày 06/3/2017 về việc triển khai một số nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính. Kế hoạch và Công văn đã nêu rõ Chủ tịch UBND các xã, thị trấn; Trưởng các phòng, ban chuyên môn UBND huyện rà soát thường xuyên các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết đã có hiệu lực nhưng chưa được công bố, đăng tải công khai trên Cở sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính hoặc đang niêm yết tại nơi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính nhưng chưa chính xác, đầy đủ theo quy định hoặc hết hiệu lực thi hành, bị bãi bỏ, bị hủy bỏ; các thủ tục hành chính có vướng mắc, bất cập, gây cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống của nhân dân thì kiến nghị đến UBND huyện (qua phòng Tư pháp) để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Sở Tư pháp. Đồng thời các đơn vị lập danh sách các thủ tục tục hành chính đã thực hiện việc rà soát, cắt giảm thời gian thực hiện việc giải quyết thủ tục hành chính (đảm bảo giảm tối thiểu 30% thời gian giải quyết thủ tục hành chính) theo hướng dẫn của UBND tỉnh.

Hiện tại, UBND huyện không nhận được phản ánh, kiến nghị nào. Việc cắt giảm thời gian thực hiện việc giải quyết các thủ tục hành chính hiện tại chỉ có một số đơn vị thực hiện và ở một số thủ tục hành chính. Do số lượng thủ tục hành chính nhiều trong khi cán bộ phụ trách còn hạn chế, kiêm nhiệm

4. Về tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính

* Tổng hồ sơ yêu cầu giải quyết TTHC là: 82.537 hồ sơ.

Trong đó: + Hồ sơ mới tiếp nhận: 82.332 hồ sơ;

+ Hồ sơ từ kỳ trước chuyển qua: 205 hồ sơ.

* Kết quả giải quyết TTHC:

- Tổng số hồ sơ đã giải quyết: 82.233 hồ sơ

Trong đó:

+ Hồ sơ giải quyết đúng hạn: 82.114 hồ sơ;

+ Hồ sơ giải quyết quá hạn: 119 hồ sơ;

- Tổng số hồ sơ đang giải quyết: 304 hồ sơ

Trong đó:

+ Hồ sơ đang giải quyết chưa đến hạn: 287 hồ sơ;

+ Hồ sơ đang giải quyết đã quá hạn: 17 hồ sơ.

5. Về tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về thủ tục hành chính

UBND huyện đã chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn thuộc UBND huyện, UBND các xã, thị trấn thực hiện nghiêm túc việc niêm yết công khai địa chỉ tiếp nhận, phản ánh kiến nghị về quy định hành chính của tổ chức, cá nhân; lập sổ theo dõi nội dung phản ánh, kiến nghị đối với quy định hành chính của tổ chức, cá nhân. Kết quả trong năm vừa qua, trên địa bàn huyện không nhận được phản ánh, kiến nghị nào về quy định hành chính, về hành vi hành chính.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Được sự quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn của Sở Tư pháp, công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn huyện đã có nhiều chuyển biến và đạt kết quả bước đầu.

Công tác triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về kiểm soát thru tục hành chính được thực hiện nghiêm túc.

Phần lớn các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện và UBND các xã, thị trấn đều được niêm yết, công khai tại bộ phận "một cửa" của UBND huyện, UBND các xã, thị trấn.

Việc niêm yết địa chỉ tiếp nhận, phản ánh kiến nghị về quy định hành chính được thực hiện nghiêm túc.

Việc giải quyết thủ tục hành chính về cơ bản đều được thực hiện theo đúng quy định, góp phần giải quyết nhanh chóng, kịp thời yêu cầu của công dân.

2. Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc

- Do sự thay đổi thường xuyên của cán bộ đầu mối làm công tác kiểm soát thủ tục hành chính nên việc tổng hợp, thống kê, cập nhật niêm yết công khai TTHC đôi lúc chưa kịp thời; đa số cán bộ của UBND các xã, thị trấn, chưa qua đào tạo chuyên môn cũng như chưa có kinh nghiệm trong quá trình thực hiện công tác này.

- Công tác tuyên truyền tạo chuyển biến nhận thức xã hội về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính còn hạn chế, chưa thật sự huy động các cá nhân, tổ chức tham gia tích cực vào công tác kiểm soát thủ tục hành chính.

- Việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính ở một số cơ quan, đơn vị cũng còn trường hợp chưa đảm bảo đúng quy trình, thời gian; công tác phối hợp giải quyết thủ tục hành chính ở một số lĩnh vực chưa tốt.

- Một số TTHC thuộc phạm vi, thẩm quyền giải của UBND cấp huyện và UBND các xã, thị trấn đã được Chủ tịch UBND tỉnh công bố, nhưng trong quá trình thực hiện có những khó khăn, vướng mắc do sự thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật mới quy định.

3. Nguyên nhân

Việc thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính đối với cán bộ của

Phòng tư pháp và cán bộ Tư pháp – hộ tịch là nhiêm vụ mới nên kinh nhiệm chưa nhiều.

Nhận thức ở một số đơn vị cơ quan về công tác kiểm soát thủ tục hành chính còn chưa có nên việc phối hợp trong công tác triển khai thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính ở địa phương còn hạn chế, việc tổng hợp số liệu báo cáo còn khó khăn.

Kinh phí phục vụ công tác kiểm soát thủ tục hành chính chưa được đảm bảo.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2017

Bám sát chỉ đạo, hướng dẫn của UBND tỉnh, Sở Tư pháp về công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2017.

Tập trung hướng dẫn các cơ quan, đơn vị sử dụng thành thạo phần mềm kiểm soát thủ tục hành chính; khai thác dữ liệu về TTHC.

Tiếp tục chỉ đạo các phòng ban chuyên môn thuộc UBND huyện, UBND các xã, thị trấn nghiêm túc thực hiện công khai thủ tục hành chính, tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính của các cá nhân và tổ chức.

Chỉ đạo Phòng Tư pháp định kỳ thực hiện việc kiểm tra và báo cáo về công tác kiểm soát thủ tục hành chính ở địa phương.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

- Thường xuyên có chương trình đào tạo nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm đầu mối thủ tục hành chính, đặc biệt là ở địa phương.

- Bố trí kinh phí để đảm bảo công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2017 đạt hiệu quả cao.

Trên đây là báo cáo của UBND huyện Thường Xuân về công tác kiểm soát thủ tục hành chính 6 tháng đầu năm 2017 và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2017, kính mong Sở Tư pháp tiếp tục quan tâm và chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- Sở Tư pháp (b/c);
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Lưu: VT, TP.

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Cầm Bá Đứng

Biểu số 06a/BTP/KSTT/KTTH
Ban hành theo Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014.
Ngày nhận báo cáo (BC):13/06/2017

KẾT QUẢ XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH THEO THẨM QUYỀN

(Sáu tháng đầu năm)

Kỳ báo cáo: Báo cáo 6 tháng đầu năm 2017

(Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017)

Đơn vị báo cáo:
Huyện Thường Xuân
Đơn vị nhận báo cáo:
Sở Tư pháp(Phòng kiểm soát TTHC)

Đơn vị tính: Số phản ánh, kiến nghị

Ngành, lĩnh vực có PAKN	Phân loại PAKN				PAKN kỳ trước chuyển qua			PAKN mới tiếp nhận trong kỳ báo cáo			
	Tổng số	Chia ra			Thuộc thẩm quyền			Kết quả xử lý			
		Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	Số PAKN cả về Hvi hành chính và quy định hành chính	Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra		
						Đang xử lý	Đã xử lý xong		Đang xử lý	Đã xử lý xong	Không thuộc thẩm quyền
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
Tổng số	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
Đăng ký, quản lý cư trú	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Khiếu nại tố cáo	0	0	0	0	0	0	0	0	0	00	
Lưu thông hàng hóa trong nước	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Quy chế thi, tuyển sinh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Hệ thống văn bằng, chứng chỉ	**0**	0	0	**0**	0	0	0	0	0	0	0
Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Đường bộ	**0**	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Đường thủy nội địa	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Thành lập và hoạt động của hợp tác xã	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Người có công	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Phòng chống tệ nạn xã hội	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Bảo trợ xã hội	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Giáo dục nghề nghiệp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Bảo vệ chăm sóc trẻ em	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tôn giáo	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Thi đua, khen thưởng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Nông thôn mới	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Lâm nghiệp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Thủy sản	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Bảo vệ thực vật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Thú y	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thuỷ sản	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Nông nghiệp	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Bảo hiểm y tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Khen thưởng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Môi trường	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tài nguyên - môi trường	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Đất đai	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tiếp công dân	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Giải quyết khiếu nại	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Giải quyết tố cáo	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Phòng chống tham nhũng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Xử lý đơn thư	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Hộ tịch	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Chứng thực	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Phổ biến giáo dục pháp luật	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Hòa giải ở cơ sở	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Nuôi con nuôi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Bồi thường nhà nước	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Dân tộc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Thư viện	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Văn hóa cơ sở	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Xây dựng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Dân số và Kế hoạch hóa gia đình	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

** Ghi chú: Tổng số ước tính 02 tháng cuối trong kỳ báo cáo (đối với báo cáo 6 tháng và báo cáo năm lần 1):*

Cột 1: 0 ; Cột 5: 0 ; Cột 8: 0 ; Cột 11: 0

Ngày 09 tháng 06 năm 2017

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ, tên)

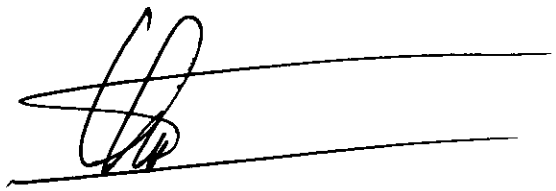

Lương Xuân Hồng

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Cầm Bá Đứng

Biểu số 07b/BTP/KSTT/KTTH
Ban hành theo Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014.
Ngày nhận báo cáo (BC):13/06/2017

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI UBND CẤP HUYỆN

(Sáu tháng đầu năm)

Kỳ báo cáo: Báo cáo 6 tháng đầu năm 2017
(Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017)

Đơn vị báo cáo:
Huyện Thường Xuân
Đơn vị nhận báo cáo:
Sở Tư pháp(Phòng kiểm soát TTHC)

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
I	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện	3203	79	3124	3003	3003	0	200	199	1	
1	*Lưu thông hàng hóa trong nước*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	*Quy chế thi, tuyển sinh*	94	0	94	94	94	0	0	0	0	
3	*Hệ thống văn bằng, chứng chỉ*	1182	0	1182	1182	1182	0	0	0	0	
4	*Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân*	5	0	5	5	5	0	0	0	0	
5	*Đường thủy nội địa*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
6	*Thành lập và hoạt động doanh nghiệp (hộ kinh doanh)*	90	0	90	90	90	0	0	0	0	
7	*Thành lập và hoạt động của hợp tác xã*	1	0	1	1	1	0	0	0	0	
8	*Việc làm*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
9	*Người có công*	72	0	72	72	72	0	0	0	0	
10	*Phòng chống tệ nạn xã hội*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
11	*Bảo trợ xã hội*	445	15	430	325	325	0	120	120	0	
12	*Giáo dục nghề nghiệp*	0	0	0	0	0		0			
13	*Bảo vệ chăm sóc trẻ em*	34	0	34	34	34	0	0	0	0	
14	*Lao động - tiền lương*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
15	*Tôn giáo*	0	0	0	0	0	0	0	0		
16	*Xây dựng chính quyền*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
17	*Thi đua, khen thưởng*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
18	*Lâm nghiệp*	106	20	86	86	86	0	20	20	0	
19	*Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
20	*Thú y*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
21	*Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thuỷ sản*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
22	*Đê điều và phòng chống lụt bão*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
23	*Bảo hiểm y tế*	620	0	620	620	620	0	0	0	0	

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
24	*Môi trường*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
25	*Địa chất, khoáng sản*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
26	*Tài nguyên nước*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
27	*Đất đai*	269	43	226	221	221	0	48	48	0	
28	*Xuất bản*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
29	*Tiếp công dân*	20	0	20	20	20	0	0	0	0	
30	*Giải quyết khiếu nại*	4	1	3	1	1	0	3	2	1	
31	*Giải quyết tố cáo*	2	0	2	2	2	0	0	0	0	
32	*Phòng chống tham nhũng*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
33	*Xử lý đơn thư*	13	0	13	13	13	0	0	0	0	
34	*Hộ tịch*	37	0	37	37	37	0	0	0	0	
35	*Đăng ký giao dịch bảo đảm*	128	0	128	128	128	0	0	0	0	
36	*Chứng thực*	28	0	28	28	28	0	0	0	0	
37	*Phổ biến giáo dục pháp luật*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
38	*Hòa giải ở cơ sở*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
39	*Bồi thường nhà nước*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
40	*Karaoke, Vũ trường*	5	0	5	3	3	0	2	2	0	

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
41	*Thể dục thể thao*	1	0	1	1	1	0	0	0	0	
42	*Thư viện*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
43	*Văn hóa cơ sở*	3	0	3	0	0	0	3	3	0	
44	*Xây dựng*	40	0	40	36	36	0	4	4	0	
45	*Quy hoạch xây dựng, kiến trúc*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
46	*An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng*	4	0	4	4	4	0	0	0	0	
II	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã	79334	126	79208	79230	79111	119	104	88	16	
1	*Đăng ký, quản lý cư trú*	1629	0	1629	1629	1629	0	0	0	0	
2	*Khiếu nại tố cáo*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	*Giáo dục đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân*	8	0	8	8	8	0	0	0	0	
4	*Đường bộ*	7	0	7	7	7	0	0	0	0	
5	*Đường thủy nội địa*	1	0	1	1	1	0	0	0	0	
6	*Lao động, thương binh và xã hội*	2	0	2	2	2	0	0	0	0	
7	*Bảo trợ xã hội*	523	14	509	515	510	5	8	8	0	

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
8	*Bảo vệ chăm sóc trẻ em*	284	16	268	252	206	46	32	16	16	
9	*Người có công*	70	3	67	69	69	0	1	1	0	
10	*Phòng chống tệ nạn xã hội*	55	0	55	53	53	0	2	2	0	
11	*Thi đua, khen thưởng*	33	0	33	33	33	0	0	0	0	
12	*Tôn giáo*	1	0	1	1	1	0	0	0	0	
13	*Xây dựng cơ bản*	5	0	5	5	5	0	0	0	0	
14	*Nông thôn mới*	1	0	1	1	1	0	0	0	0	
15	*Lâm nghiệp*	105	1	104	101	100	1	4	4	0	
16	*Thủy sản*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
17	*Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn*	5	1	4	5	5	0	0	0	0	
18	*Bảo vệ thực vật*	1	0	1	1	1	0	0	0	0	
19	*Nông nghiệp*	78	2	76	78	78	0	0	0	0	
20	*Khen thưởng*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
21	*Bảo hiểm y tế*	49264	5	49259	49230	49225	5	34	34	0	
22	*Đất đai*	318	63	255	305	268	37	13	13	0	
23	*Môi trường*	13	0	13	13	13	0	0	0	0	

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
24	*Tài nguyên - môi trường*	1	0	1	1	1	0	0	0	0	
25	*Tiếp công dân*	347	0	347	347	347	0	0	0	0	
26	*Xử lý đơn thư*	72	1	71	72	72	0	0	0	0	
27	*Giải quyết tố cáo*	1	0	1	1	1	0	0	0	0	
28	*Giải quyết khiếu nại*	26	2	24	26	26	0	0	0	0	
29	*Bồi thường nhà nước*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
30	*Chứng thực*	20238	16	20222	20238	20222	16	0	0	0	
31	*Nuôi con nuôi*	2	0	2	2	2	0	0	0	0	
32	*Hộ tịch*	2518	0	2518	2510	2501	9	8	8	0	
33	*Hòa giải ở cơ sở*	25	0	25	25	25	0	0	0	0	
34	*Phổ biến giáo dục pháp luật*	49	0	49	49	49	0	0	0	0	
35	*Dân tộc*	52	0	52	52	52	0	0	0	0	
36	*Văn hóa*	5	0	5	5	5	0	0	0	0	
37	*Văn hóa cơ sở*	741	2	739	739	739	0	2	2	0	
38	*Thư viện*	1	0	1	1	1	0	0	0	0	
39	*Xây dựng*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
40	*Dân số và Kế hoạch hóa gia đình*	213	0	213	213	213	0	0	0	0	
41	*An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng*	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
42	*Lĩnh vực khác (NCS)*	250	0	250	250	250	0	0	0	0	
43	*Lĩnh vực hoạt động tín dụng*	2390	0	2390	2390	2390	0	0	0	0	
	Tổng số	**82537**	**205**	**82332**	**82233**	**82114**	**119**	**304**	**287**	**17**	

** Ghi chú: Tổng số ước tính 02 tháng cuối trong kỳ báo cáo (đối với báo cáo 6 tháng và báo cáo năm lần 1):*

Cột 3: 41269

Ngày 13 tháng 06 năm 2017

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Lương Xuân Hồng

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Cầm Bá Đứng

Biểu số 07g/BTP/KSTT/KTTH
Ban hành theo Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014.
Ngày nhận báo cáo (BC):13/06/2017

NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG HỢP TỒN ĐỌNG TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(Sáu tháng đầu năm)

Kỳ báo cáo: Báo cáo 6 tháng đầu năm 2017
(Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017)

Đơn vị báo cáo:
Huyện Thường Xuân
Đơn vị nhận báo cáo:
Tỉnh Thanh Hóa

I. TỔNG HỢP NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết	Số lượng hồ sơ	Nguyên nhân quá hạn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Bảo vệ chăm sóc trẻ em	16	c2x32; dx32;	do sự phối hợp chưa tốt của các cơ quan trong giải quyết thủ tục hành chính
2	Giải quyết khiếu nại	1	dx2;	Do gặp khó khăn trong việc tìm các tài liệu có liên quan để giải quyết vụ việc và sự phối hợp giữa các cá nhân, tổ chức có liên quan chưa hiệu quả
	Tổng số	**17**		

II. CÁC TRƯỜNG HỢP QUÁ HẠN DO QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH

Ngày 13 tháng 06 năm 2017

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Lương Xuân Hồng

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Cầm Bá Đứng